

Số: 484/2025/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào: Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 182/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người yêu cầu sau đây:

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985;

Số CCCD: 025185009590 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/01/2025;

Trú tại: Số A ngõ A đường B, phường H, thành phố Hà Nội;

- Anh Kiều Quang A, sinh năm 1982;

Số CCCD: 025082016630 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 26/8/2021;

Trú tại: Khu L, xã T, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Kiều Quang A đăng ký kết hôn ngày 15/9/2016 tại UBND xã B, huyện H, tỉnh Phú Thọ (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, đến ngày 29 tháng 01 năm 2026 anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không thể cùng nhau chung sống. Vì vậy cùng đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận.

[2] Về con chung: Chị N và anh Quang A có 02 con chung, gồm: cháu Kiều Mộc T, sinh ngày 10/09/2017 và cháu Kiều Minh C, sinh ngày 15/11/2021. Chị N và anh Quang A thỏa thuận giao cháu T và cháu C cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Quang A phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh Quang A tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Chị N và anh Quang A tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Kiều Quang A.

- *Về con chung:* Chị N và anh Quang A có 02 con chung, gồm: cháu Kiều Mộc T, sinh ngày 10/09/2017 và cháu Kiều Minh C, sinh ngày 15/11/2021. Chị N và anh Quang A thỏa thuận giao cháu T và cháu C cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Quang A đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Quang A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị N và anh Quang A tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về lệ phí: Chị N và anh Quang A tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị N và anh Quang A đã nộp theo biên lai số: 0003536 ngày 05/02/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - Hà Nội. Ghi nhận chị N và anh Quang A đã nộp đủ lệ phí.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 6 – Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 6-Hà Nội;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Quang